

Số: 202/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 23 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học
trình độ đại học, liên thông hệ VLVH, khóa đào tạo 2019-2021**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ;

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo đại học, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 156/ QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa học Tự nhiên Trường Đại học Phú Yên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành *Sư phạm Toán học* trình độ đại học, liên thông hệ VLVH, khoá đào tạo 2019-2021.

Điều 2. Căn cứ chương trình đào tạo, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình đào tạo được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa học Tự nhiên, các phòng, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ly*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Lăng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: SƯ PHẠM TOÁN HỌC

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: SƯ PHẠM TOÁN HỌC

(Mathematics Teacher Education)

Mã số: 7140209

Loại hình đào tạo: HỆ LIÊN THÔNG VỪA HỌC VỪA LÀM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 202/QĐ-ĐHPY ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm Toán học liên thông từ cao đẳng lên đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức cơ bản và cập nhật về khoa học giáo dục và sư phạm. Nắm vững các kiến thức về toán cơ bản và phương pháp giảng dạy toán ở trường trung học phổ thông (THPT), để làm tốt nhiệm vụ giảng dạy toán ở trường trung học phổ thông đáp ứng được nội dung đổi mới phương pháp dạy và học ở trường THPT hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức:

- Vận dụng được kiến thức về toán cao cấp, toán sơ cấp và toán ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu dạy toán ở trường trung học.

- Phân tích được chương trình và nội dung toán học trong chương trình giáo dục phổ thông bậc trung học.

- Phân tích kiến thức khoa học sư phạm để dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh ở trường phổ thông trung học theo hướng phát triển năng lực.

- Vận dụng kiến thức về xây dựng môi trường giáo dục và phối hợp với phụ huynh học sinh, với các tổ chức xã hội thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông bậc trung học.

1.2.2 Về kỹ năng:

- Thực hiện chính xác kỹ năng tư duy thuật toán trong nghiên cứu và dạy học toán cho học sinh phổ thông bậc trung học.

- Phối hợp nhiều kỹ năng trong dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán cho học sinh phổ thông bậc trung học.

- Thực hiện chính xác việc lựa chọn nội dung, phương pháp khi lập kế hoạch dạy học môn Toán và giáo dục học sinh phổ thông bậc trung học.

- Xử lý chính xác các tình huống sư phạm với học sinh và phụ huynh học sinh trong dạy học, giáo dục và các hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông bậc trung học.

- Thực hiện chính xác trong trao đổi, thảo luận, làm việc về công tác dạy học, giáo dục học sinh phổ thông bậc trung học với các đồng nghiệp và các bên liên quan.

1.2.3 Về thái độ:

Chấp nhận đạo đức theo tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông.

1.2.4 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng điều chỉnh kế hoạch dạy học phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

- Có khả năng cùng với tổ bộ môn và nhà trường cập nhật kiến thức chuyên môn, vận dụng phù hợp, linh hoạt các phương pháp dạy học, dạy học tích hợp, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Toán và giáo dục học sinh.

- Có năng lực lập kế hoạch, năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn toán và giáo dục học sinh trung học.

- Trình bày có hiệu quả một công việc chuyên môn hay hoạt động dạy học, giáo dục học sinh với đồng nghiệp và các bên liên quan.

1.2.5 Vị trí việc làm của học viên sau tốt nghiệp:

- Dạy toán ở các trường trung học.

- Làm công tác chuyên môn ở các phòng, ban thuộc khối chuyên môn.

1.2.6 Khả năng học tập, nâng cao trình độ của học viên sau ra trường:

- Tự học và nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí công tác.

- Tiếp tục học lên trình độ thạc sĩ Toán.

2. Thời gian đào tạo: 1,5 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 53 tín chỉ (TC)

TT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	5	5	0
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	48	43	5
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	05	05	0
2.2	Kiến thức chuyên ngành	37	32	5
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	04	04	0
2.4	Tiểu luận khoa học giáo dục	02	02	0
Tổng cộng		53	48	5

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Toán hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ liên thông vừa làm vừa học của Bộ GD&ĐT.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- Thực hiện theo thông tư số 06/2017/TT – BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học.

- Thực hiện theo Quyết định số 156/QĐ-ĐHPY ngày 12/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành quy chế tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ.

- Thực hiện theo Quyết định 386/QĐ-ĐHPY ngày 16/8/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành Quy chế học vụ vừa làm vừa học trình độ đại học.

- Tích lũy đủ số tín chỉ theo chương trình đào tạo đã được thiết kế.

6. Thang điểm: Thực hiện theo Quyết định số 386/QĐ-ĐHPY ngày 16/8/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành Quy chế học vụ vừa làm vừa học trình độ đại học.

7. Nội dung chương trình:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT	TH	TT	
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương		5	60	15	0	0	
1	TL111032	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
2	KC100163	Toán rời rạc	3	30	15	0	0	
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		48	420	195	30	0	
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành		5	50	25	0	0	
3	TN110063	Giải tích 3	3	30	15	0	0	
4	TN110172	Phương pháp tính	2	20	10	0	0	
7.2.2	Kiến thức ngành		43	420	180	30	0	
	- Bắt buộc:		32	320	145	30	0	
5	TN110223	Hình học AFIN và Hình học Euclide	3	30	15	0	0	
6	TN110163	Đa thức và nhân tử hóa	3	30	15	0	0	
7	TN111023	Phương pháp dạy học các nội dung môn toán phổ thông	3	30	0	30	0	
8	TN110183	Không gian mêtric - Không gian tôpô	3	30	15	0	0	
9	TN110303	Mở rộng trường và lý thuyết phương trình đại số	3	30	15	0	0	
10	TN110143	Giải tích hàm	3	30	15	0	0	3, 8
11	TN110193	Độ đo - Tích phân	3	30	15	0	0	
12	TN110203	Hàm biến phức	3	30	15	0	0	3
13	TN110113	Hình học xạ ảnh	3	30	15	0	0	5
14	TN110243	Môđun và đại số	3	30	15	0	0	
15	TN111052	Dạy học phát triển năng lực và đánh giá trong dạy học toán	2	20	10	0	0	
	- Tự chọn: chọn 5 TC (chọn 2/6 HP)		5	50	25	0	0	
15	TN110332	Bất đẳng thức	2	20	10	0	0	
16	TN110342	Lý thuyết đồng dư và ứng dụng	2	20	10	0	0	
17	TN110352	Đa thức không âm và ứng dụng	2	20	10	0	0	10
18	TN110263	Biến đổi Laplace và giải tích Fourier	3	30	15	0	0	3
19	TN110273	Phương trình hàm	3	30	15	0	0	3
7.2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		4	50	10	0	0	
20	TL111022	Giáo dục học 2	2	25	5	0	0	
21	TL110022	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	
7.2.4	Tiểu luận khoa học giáo dục		2	0	0	60	0	
22	TL111222	Tiểu luận khoa học giáo dục	2	0	0	60	0	
	Tổng cộng		53	480	390	120	0	

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

8.1. Học kỳ I: 19 TC (bắt buộc)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	TL111032	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	30	0	0	0	
2	TL111022	Giáo dục học 2	2	25	5	0	0	
3	KC100163	Toán rời rạc	3	30	15	0	0	

4	TN110163	Đa thức và nhân tử hóa	3	30	15	0	0	
5	TN110063	Giải tích 3	3	30	15	0	0	
6	TN110223	Hình học AFIN và Hình học Euclide	3	30	15	0	0	
7	TN111023	Phương pháp dạy học các nội dung môn toán phổ thông	3	30	0	30	0	
Tổng cộng			19	205	65	30	0	

8.2. Học kỳ II: 19 TC (bắt buộc)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
1	TN110183	Không gian mêtric - Không gian tôpô	3	30	15	0	0	
2	TN110203	Hàm biến phức	3	30	15	0	0	
3	TN110113	Hình học xạ ảnh	3	30	15	0	0	
4	TN110172	Phương pháp tính	2	20	10	0	0	
5	TN110193	Độ đo - Tích phân	3	30	15	0	0	
6	TN110143	Giải tích hàm	3	30	15	0	0	
7	TL110022	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	2	25	5	0	0	
Tổng cộng			19	195	90	0	0	

8.3. Học kỳ III: 15 TC (bắt buộc: 10 TC, tự chọn: 5 TC)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT	TH	TT	
- Bắt buộc:			10	80	40	60	0	
1	TN111052	Dạy học phát triển năng lực và đánh giá trong dạy học toán	2	20	10	0	0	
2	TN110303	Mở rộng trường và lý thuyết phương trình đại số	3	30	15	0	0	
3	TN110243	Môđun và đại số	3	30	15	0	0	
4	TL111222	Tiểu luận khoa học giáo dục	2	0	0	60	0	
- Tự chọn:			5	50	25	0	0	
5	TN110332	Bất đẳng thức	2	20	10	0	0	Chọn 2/6 TC
6	TN110342	Lý thuyết đồng dư và ứng dụng	2	20	10	0	0	
7	TN110352	Đa thức không âm và ứng dụng	2	20	10	0	0	
8	TN110263	Biến đổi Laplace và giải tích Fourier	3	30	15	0	0	Chọn 3/6 TC
9	TN110273	Phương trình hàm	3	30	15	0	0	
Tổng cộng			15	130	65	60	0	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; các thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

9.2. Toán rời rạc

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung bao gồm: Ngôn ngữ sơ đồ khối và thuật toán; lý thuyết đồ thị, lý thuyết tổ hợp và hàm đại số logic. Phần lý thuyết tổ hợp cung cấp cho học viên 4 bài toán cơ bản: bài toán đếm, bài toán tồn tại, bài toán liệt kê và bài toán tối ưu tổ hợp. Phần hàm đại số logic đi sâu vào việc tối thiểu hóa các hàm đại số logic và mô tả một số thuật toán quan trọng để giải quyết một số vấn đề của kỹ thuật máy tính như thuật toán Quine-McCluskey, Black-Poreski.

9.3. Giải tích 3

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Những kiến thức đạo hàm riêng cấp 1 và cấp cao của hàm nhiều biến, phương trình mặt tiếp xúc, tính gần đúng, nghiên cứu cực trị của hàm nhiều biến. Giải các phương trình vi phân cấp 1 đã giải ra đối với đạo hàm: tách biến, đẳng cấp, tuyến tính cấp 1, Bernoulli, vi phân toàn phần và chưa giải ra đối với đạo hàm: Lagrange, Clairaut. Phương pháp biến thiên hằng số bất định để giải các phương trình vi phân tuyến tính cấp hai (hệ số hằng số).

9.4. Phương pháp tính

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung bao gồm: Các bài toán cơ bản của toán học tính toán; Các khái niệm sai số, số gần đúng, làm tròn số; Xấp xỉ hàm: các đa thức nội suy Lagrange, Newton, Gauss; Tính gần đúng đạo hàm, tính gần đúng tích phân; Giải gần đúng nghiệm của phương trình đại số 1 ẩn, hệ phương trình tuyến tính, phương trình vi phân.

9.5. Hình học AFIN và Hình học Euclide

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức về không gian AFIN, ánh xạ AFIN, biến đổi AFIN, siêu mặt bậc hai trong không gian AFIN; không gian Euclide: ánh xạ đẳng cự của các không gian Euclide, phân loại các phép biến đổi đẳng cự; các siêu mặt bậc hai trong không gian AFIN và không gian Euclide; nghiên cứu đường và mặt bậc hai nhờ các bất biến.

9.6. Đa thức và nhân tử hóa

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung bao gồm: Vành đa thức 1 biến; Phép chia đa thức; Hàm đa thức 1 biến; Nghiệm của đa thức. Vành đa thức nhiều biến; đa thức đối xứng. Sự tồn tại nhân tử hóa duy nhất; Miền nguyên Gauss; Miền nguyên chính và miền nguyên Euclide; Mở rộng đa thức của miền nguyên Gauss; Các miền nguyên Gauss đặc biệt.

9.7. Phương pháp dạy học các nội dung môn toán phổ thông

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Những vấn đề cơ bản trong nội dung và chương trình SGK hiện hành. Minh họa về một số phương pháp dạy học hiện đại, cách soạn giáo án. Dạy khái niệm, hình thành và củng cố khái niệm. Dạy định lý và hướng dẫn chứng minh định lý, vận dụng định lý. Dạy học toán trong tiết luyện tập, phát triển kỹ năng và tư duy. Vấn đề dạy hình học, dạy và rèn luyện năng lực quan sát, rèn kỹ năng vẽ hình. Vấn đề dạy đại số và giải tích. Giáo án điện tử, lợi ích và nhược điểm, cách soạn và giảng trên giáo án điện tử.

9.8. Không gian MÊTRIC - không gian Tôpô

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Kiến thức cơ bản về Không gian metric như các khái niệm cơ bản về không gian metric, tôpô trong không gian metric, ánh xạ liên tục trên

không gian mêtric, các Nguyên lí cơ bản của không gian mêtric đủ, các đặc trưng cơ bản của tính compac trong không gian mêtric. Tiếp đó trang bị các kiến thức cơ bản của Tôpô đại cương như các phương pháp trang bị tôpô cho một tập hợp, các tính chất tách, tính chất compac, tính liên thông và tính mêtric hóa. Đây là những kiến thức nền tảng của Giải tích hiện đại.

9.9. Mở rộng trường và lý thuyết phương trình đại số

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung bao gồm: Trường con nguyên tố và trường nguyên tố, mở rộng đơn; Kết nối nghiệm; Bậc và mở rộng hữu hạn, mở rộng lặp; Trường nghiệm và mở rộng kín đại số; Tự đẳng cấu trường, nhóm Galois; Đa thức tách được, mở rộng tách được; Sự tương ứng giữa nhóm con và trường con; Trường hữu hạn; Giải phương trình đại số bằng căn thức; Phương trình bậc 3 bất khả quy; Tính không giải được của phương trình bậc 5.

9.10. Giải tích hàm

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giải tích 3, Không gian Mêtric - không gian tôpô

Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức về chuẩn trên không gian Vectơ; không gian định chuẩn và không gian Banach; chuỗi trong không gian Banach; không gian $L_p(\chi)$, $p \geq 1$; ánh xạ tuyến tính liên tục giữa các không gian định chuẩn; không gian $L(E, F)$; không gian con và không gian thương; ba nguyên lý cơ bản của giải tích hàm tuyến tính; định lý Hahn - Banach; định lý ánh xạ mở và đồ thị đúng; định lý Banach - Steinhaus; toán tử đối ngẫu; toán tử Compact; phổ của toán tử tuyến tính liên tục và phổ của toán tử Compact; không gian Hilbert; định lý về sự tồn tại phép chiếu trực giao; định lý biểu diễn Riesz-Fischer; toán tử liên hợp và tự liên hợp trong không gian Hilbert.

9.11. Độ đo - Tích phân

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung môn học bao gồm: những kiến thức về đại số và σ - đại số tập hợp; hàm tập hợp cộng tính và σ - cộng tính; biến phân của hàm tập cộng tính; độ đo trên đại số tập hợp; độ đo ngoài và độ đo cảm sinh bởi độ đo ngoài; định lý Caratheodory; độ đo trên \square^n và tiêu chuẩn đã được Lebesgue; hàm đo được; cấu trúc hàm đo được; hội tụ theo độ đo và hội tụ hầu khắp nơi; định nghĩa tích phân Lebesgue; các tính chất của tích phân Lebesgue; các định lý qua giới hạn dưới dấu tích phân; bổ đề Fatou; liên hệ giữa tích phân Riemann và tích phân Lebesgue; tích phân không gian tích; định lý Fubini.

9.12. Hàm biến phức

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giải tích 3

Nội dung môn học bao gồm: số phức và các phép toán, Tôpô trên mặt phẳng phức: sự hội tụ của dãy và chuỗi số phức; hàm biến phức, giới hạn và tính liên tục của hàm biến phức; hàm chỉnh hình: điều kiện Cauchy - Riemann, ý nghĩa hình học của argument và môđun của đạo hàm; tích phân phức: các định lý Cauchy về tích phân của hàm chỉnh hình, công thức tích phân Cauchy, tích phân loại Cauchy, định lý Louville và một số định lý quan trọng của hàm chỉnh hình; lý thuyết chuỗi và thặng dư; định lý khai triển Taylor và Laurent, thặng dư và cách tính, nguyên lý argument và định lý Rouché; hàm điều hòa và điều hòa dưới, bài toán Dirichlet.

9.13. Hình học xạ ảnh

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Hình học Afın và Hình học Euclide

Nội dung môn học bao gồm: Các khái niệm về không gian xạ ảnh và một số mô hình của không gian xạ ảnh, mục tiêu xạ ảnh, tọa độ xạ ảnh. Công thức đối mục tiêu xạ ảnh. Tỷ số kép, tứ giác toàn phần, phép biến đổi xạ ảnh các tính chất và công thức của phép biến đổi xạ ảnh. Sự đối ngẫu, các khái niệm đối ngẫu và mệnh đề đối ngẫu của một mệnh đề. Liên hệ giữa một mô hình xạ ảnh và một mô hình afın, áp dụng trong việc giải

bài toán hình học Euclide. Bất biến xạ ảnh và hình học xạ ảnh, liên hệ với hình học Euclide. Các vấn đề về mặt bậc 2 và đường bậc 2 trong không gian xạ ảnh, đường conic trong P^2 và một số định lý cơ bản liên quan.

9.14. Phương trình hàm

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Giải tích 3

Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức về hàm số: chẵn lẻ, tuần hoàn và phản tuần hoàn, tuần hoàn và phản tuần hoàn nhân tính, mối quan hệ giữa hàm tuần hoàn cộng tính và nhân tính, đặc trưng hàm của một số hàm số sơ cấp. Phương trình hàm với cặp biến tự do: hàm số chuyển đổi các phép tính số học, hàm số chuyển đổi các đại lượng trung bình, hàm số sinh bởi các đặc trưng hàm của các hàm lượng giác, hyperbolic và hàm lượng giác ngược, phương trình với nhiều ẩn hàm. Phương trình hàm với phép biến đổi đối số: tịnh tiến và đồng dạng, biến đổi phân tuyến tính, hàm số xác định bởi phép biến đổi đại số, phương trình trong lớp các hàm tuần hoàn.

9.15. Dạy học phát triển năng lực và đánh giá trong dạy học toán

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp dạy học các nội dung môn toán phổ thông

Nội dung môn học bao gồm: Tiếp cận năng lực trong dạy học Toán ở THPT; Một số phương pháp dạy học tích cực vận dụng vào dạy học Toán phát triển năng lực cho HS THPT; Tổ chức dạy học Toán phát triển năng lực; Kiểm tra, đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực.

9.16. Môđun và đại số

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung bao gồm: lý thuyết về môđun, môđun con, môđun thương, tổng và tích trực tiếp các môđun, đồng cấu môđun; lý thuyết về đại số, đại số con, idêan và đại số thương; sơ lược về môđun nội xạ, môđun xạ ảnh, bao nội xạ, phủ xạ ảnh, môđun sinh và đối sinh; Vành Artin, vành Noether, vành địa phương, vành nửa địa phương; Môđun và vành nửa đơn; Căn và đế.

9.17. Giáo dục học 2

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp cho người học lý luận dạy học; Những vấn đề cơ bản của quá trình dạy học, hệ thống các nguyên tắc, phương pháp dạy học, các hình thức tổ chức dạy học, cách đánh giá kết quả dạy học ở trường THPT

Cung cấp cho người học lý luận chung về giáo dục: Quá trình, nguyên tắc, phương pháp, nội dung giáo dục; lý luận về công tác chủ nhiệm lớp ở THPT.

9.18. Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp các kiến thức lý luận cơ bản về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: lý luận chung về sự phát triển tâm lý người theo các lứa tuổi, các giai đoạn, thời kỳ phát triển tâm lý con người, trong đó đi sâu vào đặc điểm tâm lý học sinh THPT; các nội dung cơ bản về tâm lý học của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và người thầy giáo THPT.

9.19. Bất đẳng thức

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Nội dung của học phần gồm các kiến thức cơ bản về bất đẳng thức, các bất đẳng thức cổ điển, bất đẳng thức hàm lồi (lõm). Rèn luyện các phương pháp chứng minh bất đẳng thức: chứng minh trực tiếp, tổng hợp các bất đẳng thức phụ, dùng đạo hàm ... Áp dụng việc chứng minh bất đẳng thức vào các bài toán tìm giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất. Áp dụng việc chứng minh bất đẳng thức vào các bài toán trong hình học phẳng.

- 9.20. Lý thuyết đồng dư và ứng dụng** **2 TC**
Điều kiện tiên quyết: không
Nội dung môn học bao gồm: Lý thuyết đồng dư; Các định lý cơ bản về đồng dư: định lý nhỏ của Fermat, định lý Wilson, định lý Thặng dư Trung Hoa, phương trình đồng dư, thặng dư bình phương; Phương trình nghiệm nguyên: Phương trình Pythagore, phương trình Pell; Các hàm số học.
- 9.21. Đa thức không âm và ứng dụng** **2 TC**
Điều kiện tiên quyết: Giải tích hàm
Nội dung môn học bao gồm: Không gian vectơ và nón trong không gian vectơ; Đa thức không âm là tổng bình phương; Đa thức không âm không là tổng bình phương; Ứng dụng của đa thức không âm.
- 9.22. Biến đổi Laplace và giải tích Fourier** **3 TC**
Điều kiện tiên quyết: Giải tích 3
Nội dung bao gồm: Biến đổi Laplace và phép tính vi phân và tích phân, biến đổi Laplace và phép chuyển dịch, nghịch ảnh của tích hai hàm, biến đổi Laplace của hàm tuần hoàn và một số ứng dụng của phép biến đổi Laplace. Dạng phức của chuỗi Fourier, xấp xỉ bằng đa thức lượng giác, giải phương trình vi phân bằng chuỗi Fourier, tích phân Fourier, biến đổi Fourier sin và cosin, biến đổi Fourier.
- 9.23. Tiểu luận khoa học giáo dục** **2 TC**
Điều kiện tiên quyết: không
Nội dung: Phát hiện đề tài, quan sát thu thập dữ liệu, phân tích xử lý số liệu, bố trí thực nghiệm sư phạm, xác định kết quả nghiên cứu, viết tiểu luận khoa học theo chuyên ngành đào tạo.
Nội dung: Ôn tập các khối kiến thức thuộc các học phần: Phương pháp dạy học các nội dung môn toán phổ thông; Lý luận dạy học toán nâng cao và đánh giá trong dạy học toán.

10. Danh sách giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình

10.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Thế Dân, 1960, Giảng viên	GVC, 2006	Thạc sĩ, Việt Nam, 2003	Tâm lý học và Giáo dục học	Giáo dục học 2
2	Lê Bạt Sơn, 1969, Phó Trưởng khoa Tâm lý giáo dục	GVC, 2011	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Quản lý giáo dục	Phương pháp NCKH GD
3	Phan Thị Lan, 1970, Giảng viên	GVC, 2011	Thạc sĩ, Việt Nam, 2003	Tâm lý học & Giáo dục học	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm
4	Lê Đức Thoang, 1971, Trưởng khoa KHTN	GVC, 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Đại số và Lý thuyết số	Các trường số đại số và Lý thuyết Galoa; Môđun và đại số
5	Lê Hào, 1965, Giảng viên	GVC, 2006	Thạc sĩ, Việt Nam, 1999	Đại số hình học	Hình học xạ ảnh; Hình học AFIN và Hình học Euclide
6	Đào Thị Hải Yến, 1985, Giảng viên	GV	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Giải tích	Hàm biến phức; Giải tích 3
7	Trần Thị Gia Lâm, 1983, Giảng viên	GV	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Đại số	Phương pháp dạy học các nội dung môn toán phổ thông
8	Lê Thị Kim Loan, 1967, Phó Trưởng phòng PT. Phòng Đào tạo	GVC, 2006	Thạc sĩ, Việt Nam, 1995	Toán - Tin	Toán rời rạc
9	Phùng Xuân Lễ, 1983, Giảng viên	GV	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Giải tích	Độ đo – tích phân; Dạy học phát triển năng lực và đánh giá trong dạy học toán
10	Đào Thị Kim Chi, 1989, Giảng viên	GV	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Toán	Không gian Métric – không gian tôpô

10.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Lê Văn Thuyết, 1956, Trường ĐHS - ĐHH	GS, 2007	Tiến sĩ, Việt Nam, 1992	Đại số và Lý thuyết số	Môđun và đại số
2	Thái Thuận Quang, 1966, Giảng viên Trường ĐH Qui Nhơn	PGS, 1998	Tiến sĩ, Việt Nam, 1993	Giải tích	Giải tích hàm
3	Lê Anh Tuấn, 1963, Hiệu trưởng Trường CĐSP Ninh Thuận	GVC	Tiến sĩ, Việt Nam, 2005	Giải tích	Biến đổi Laplace và giải tích Fourier
4	Lê Công Trình, 1980, Phó Phòng ĐH Sau ĐH, ĐH Qui Nhơn	GVC	Tiến sĩ, Áo, 2010	Đại số và Hình học	Đa thức không âm và ứng dụng
5	Nguyễn Trọng Hòa, 1961, Hiệu trưởng Trường CĐSP Đắc Lắc	GVC	Tiến sĩ, Việt Nam, 2005	Đại số và Lý thuyết số	Đa thức và nhân tử hóa

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng:

Có đủ phòng học cho việc giảng dạy và học tập, ngoài ra hiện nay nhà trường đã chú trọng việc trang bị các phòng học đa phương tiện để giảng viên tiến hành phương pháp giảng dạy mới như: sử dụng giáo án điện tử, máy quét hình để minh họa.

11.2. Thư viện:

- Tổng diện tích thư viện: 1236m², trong đó diện tích phòng đọc: 512m²
- Số chỗ ngồi: 200; Số máy tính phục vụ tra cứu: 46
- Phần mềm quản lý thư viện: Phần mềm quản lý tích hợp Libol 5.5.
- Thư viện điện tử: đã kết nối được với thư viện điện tử của một số trường đại học trong nước.

11.3. Danh mục giáo trình chính của ngành đào tạo:

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1	Hình học xạ ảnh	Văn Như Cương	Đại học sư phạm	2006	50	Hình học xạ ảnh
2	Hình học AFIN	Phạm Việt Đức	Đại học sư phạm	2006	50	Hình học AFIN và Hình học Euclide
3	Giáo trình Phương pháp tính	Lê Đức Thoang	Đại học Phú Yên	2015	Bản	Phương pháp tính

			(lưu hành nội bộ)		mềm	
4	Phương pháp tính	Lê Thái Thanh	Giáo dục	2007	50	Phương pháp tính
5	Phương pháp dạy học các nội dung môn Toán	Phạm Gia Đức	Đại học sư phạm	2003	50	Phương pháp dạy học các nội dung môn Toán
6	Cơ sở lí thuyết trường và lí thuyết Galois	Nguyễn Tiến Quang	Đại học sư phạm	2005	50	Các trường số và Lý thuyết Galois
7	Đa thức và nhân tử hóa	Lê Thanh Hà	Giáo dục	2002	50	Đại thức và nhân tử hóa
8	Lý thuyết chuỗi và phương trình vi phân	Nguyễn Văn Mậu, Đặng Huy Ruận, Nguyễn Thủy Thanh	ĐHQG Hà Nội	2002	50	Phương trình vi phân
9	Giáo trình hàm thực và giải tích hàm	Phạm Kỳ Anh, Trần Đức Long	Đại học Quốc Gia	2001		Độ đo – tích phân
10	Phương trình hàm	Nguyễn Văn Mậu	Giáo dục	1998	50	Phương trình hàm
11	Toán chuyên đề	Phan Quốc Khánh	ĐHQG TP. HCM	2000	50	Biến đổi Laplace và giải tích Fourier
12	Các cấu trúc đại số cơ bản	Lê Văn Thuyết	Giáo dục	1999	50	Môđun và đại số
13	Hàm một biến phức	Đậu Thế Cấp	Giáo dục	1999	50	Hàm biến phức
14	Giải tích hàm	Đậu Thế Cấp	Giáo dục	2009	50	Giải tích hàm
15	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	KH&KT Hà Nội	1999		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
16	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm tại các trường phổ thông.	Học viện Quản lý Giáo dục	Hà Nội	2013		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

11.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học, học phần
1	Đại số tuyến tính	Ngô Thúc Lanh	ĐH – THCN	1970	50	Đại số tuyến tính
2	Giải tích toán học	Phan Quốc Khánh	Giáo dục	1997	50	Giải tích 2; Giải tích 3
3	Hình học xạ ảnh	Văn Như Cương	Đại học sư phạm	2006	50	Hình học xạ ảnh
4	Hình học cao cấp	Văn Như Cương và Kiều Huy	Giáo dục	1978	50	Hình học xạ ảnh

		Luân				
5	Đại số sơ cấp	Hoàng Kỳ	Đại học sư phạm	1998	50	Đại số sơ cấp
6	Đại số sơ cấp	Phạm Hữu Chân, Nguyễn Phúc Hồng Chương	Giáo dục	1978	50	Đại số sơ cấp
7	Quy hoạch tuyến tính	Phí Mạnh Ban	Giáo dục	2003	50	Quy hoạch tuyến tính
8	Quy hoạch tuyến tính	Đặng Văn Uyên	Giáo dục	1989	50	Quy hoạch tuyến tính
9	Giải tích số	Lê Trọng Vinh	Khoa học kỹ thuật	2007	50	Phương pháp tính
10	Giải tích toán học tập 1, 2	Nguyễn Văn Khuê	Đại học sư phạm	2003	50	Giải tích 2; Giải tích 3
11	Phương pháp tính	Lê Thái Thanh	Giáo dục	2007	50	Phương pháp tính
12	Phương pháp tính	Dương Thùy Vĩ	Khoa học kỹ thuật	2007	50	Phương pháp tính
13	Phương trình hàm	Nguyễn Văn Mậu	Giáo dục	1998	50	Phương trình hàm
14	Toán chuyên đề	Phan Quốc Khánh	ĐHQG TP. HCM	2000	50	Biến đổi Laplace và giải tích Fourier
15	Phương pháp dạy học các nội dung môn Toán	Phạm Gia Đức	Đại học sư phạm	2003	50	Phương pháp dạy học các nội dung môn Toán
16	Cơ sở lí thuyết trường và lí thuyết Galois	Nguyễn Tiến Quang	Đại học sư phạm	2005	50	Lý thuyết phương trình đại số
17	Lý thuyết Galois và lí thuyết các mở rộng trường	Dương Quốc Việt	Đại học sư phạm	2004	50	Lý thuyết phương trình đại số
18	Đại số tuyến tính	Dương Quốc Việt	Khoa học kỹ thuật	2006	50	Đại số tuyến tính
19	Giải tích Module và nhóm Abel	Nguyễn Tiến Quang	Đại học sư phạm	2004	50	Đại số đại cương
20	Hàm một biến phức	Đậu Thế Cấp	Giáo dục	1999	50	Hàm biến phức
21	Đa thức và ứng dụng	Nguyễn Hữu Điền	Giáo dục	2003	50	Đại số đại cương
22	Đa thức và nhân tử hóa	Lê Thanh Hà	Giáo dục	2002	50	Đại số đại cương
23	Các cấu trúc đại số cơ bản	Lê Văn Thuyết	Giáo dục	1999	50	Đại số đại cương
24	Cơ sở giải tích toán học tập I, tập II	G. M. Fichtengon	Giáo dục	1973	50	Giải tích 2; Giải tích 3
25	Phép tính vi tích phân -tập1, 2	Phan Quốc Khánh	Giáo dục	1996	50	Giải tích 2; Giải tích 3
26	Lý thuyết chuỗi và phương trình vi phân	Nguyễn Văn Mậu, Đặng Huy Ruận, Nguyễn Thủy Thanh	ĐHQG Hà Nội	2002	50	Phương trình vi phân
27	Đại số và số học tập 1, 2	Ngô Thúc Lanh	Giáo dục	1986	50	Đại số sơ cấp
28	Giáo trình số học	Lại Đức Thịnh	Giáo dục	1977	50	Đại số sơ cấp
29	Bộ giáo trình đào tạo giáo viên THCS môn Toán, Tin học	Dự án Loan - Nhiều tác giả	Giáo dục	2002	50	Các học phần chuyên ngành toán

30	Giải tích hàm	Đậu Thế Cấp	Giáo dục	2009	50	Giải tích hàm
31	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	KH&KT HN	1999		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
32	Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và sáng kiến kinh nghiệm tại các trường phổ thông.	Học viện Quản lý Giáo dục	Hà Nội	2013		Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình


Chương trình được thực hiện với tổng số 53 tín chỉ, gồm 17 học phần bắt buộc, 2 học phần tự chọn và 1 tiểu luận khoa học giáo dục; học viên được đào tạo trong 1,5 năm; phân bố trong 03 học kỳ.

Các học phần bắt buộc về Giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình khung của Trường Đại học Phú Yên đều được sắp xếp theo đúng trình tự thời lượng, số tín chỉ, tên gọi từng học phần, phân bố vào đúng học kỳ.

Các học phần bổ trợ, mở rộng theo thực tế và cập nhật có thể thay đổi, bổ sung lựa chọn theo tình hình thực tế của nhu cầu xã hội, nhưng mỗi khoá số học phần và thời lượng thay đổi không quá 10% tổng số.

Việc phân bố chương trình được thực hiện theo bảng kế hoạch giảng dạy, thứ tự đó có thể thay đổi nếu không vi phạm các yêu cầu đã đề xuất và điều kiện tiên quyết trong chương trình chi tiết.

Mục tiêu đào tạo ngành học đòi hỏi trang bị đầy đủ các kiến thức chuyên ngành và quan tâm đến việc đổi mới phương pháp dạy-học; do đó, cần phải trang bị đủ các phương tiện, thiết bị hỗ trợ việc dạy, số đầu sách giáo trình, sách tham khảo và khai thác sử dụng với hiệu quả tối đa. Ngoài ra, các giảng viên phải hướng dẫn cho sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu nhằm giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành học.

Chương trình này được biên soạn và sử dụng theo học chế tín chỉ 1.5 năm bắt đầu từ năm 2019 đến 2021. Sau đó chương trình có thể thay đổi, cải tiến phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu đào tạo của xã hội. 

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Trần Lăng